CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

FireAnt

CTCP PGT Holdings

Ngày 31/12/2025	7,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-5.1%	-	-

DT thuần
Q4/25
12.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.00| -6.9%
YoY: ▲ 2.50| 24.5%

LN thuần
Q4/25
-0.16
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.42| -160%
YoY: ▼1.63| -111%

LN sau thuế
Q4/25
0.10
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.88| -89.6%
YoY: ▼0.88| -89.6%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
8.1%
YoY: +/-▼ 10.0%

ROE
2025
8.8%
YoY: +/-▼ 2.5%

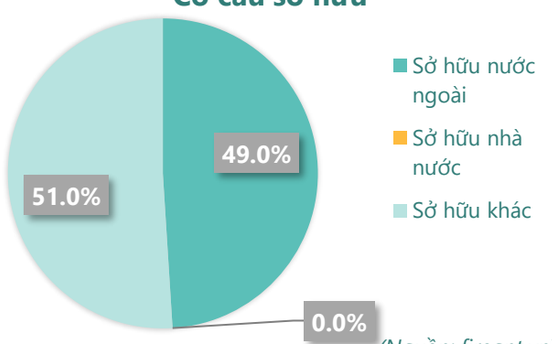
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	6,100 - 10,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	69
Số lượng CPLH (CP)	9,241,801
KLGD BQ 20 phiên (CP)	920
Sở hữu nước ngoài	49.0%
Beta	0.10
EPS	445
P/E	16.8

DT thuần
2025
50.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 14.7| 40.6%

LN thuần
2025
2.20
tỷ VNĐ
YoY: ▼3.80| -63.3%

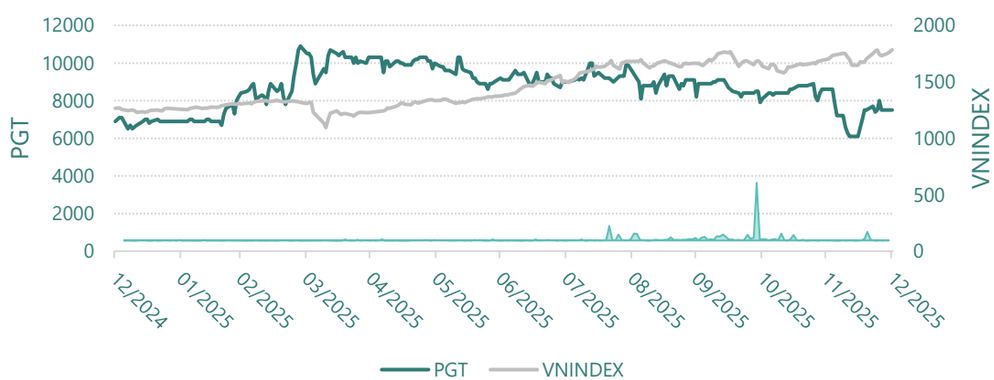
LN sau thuế
2025
3.89
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.65| -29.9%

Cơ cấu sở hữu

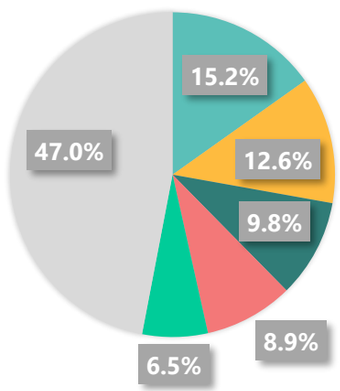


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

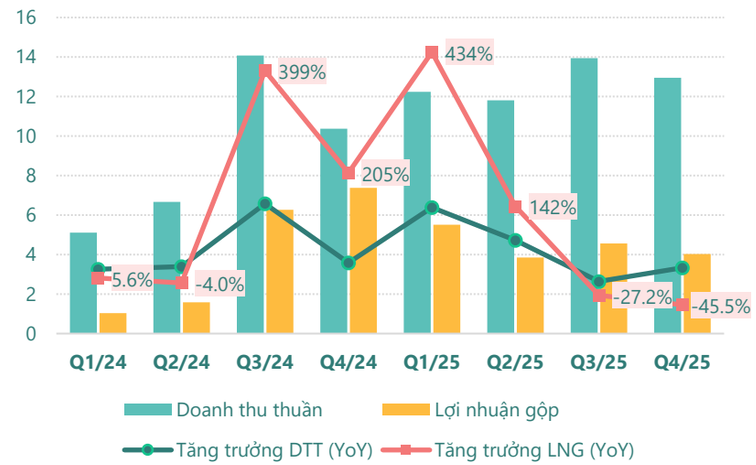


- Công ty TNHH Đầu tư Vina Terrace
- All Corporation Inc
- Công ty TNHH Thương mại Đầu tư HaLo
- Shimabukuro Yoshinori
- Daitomi INC
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

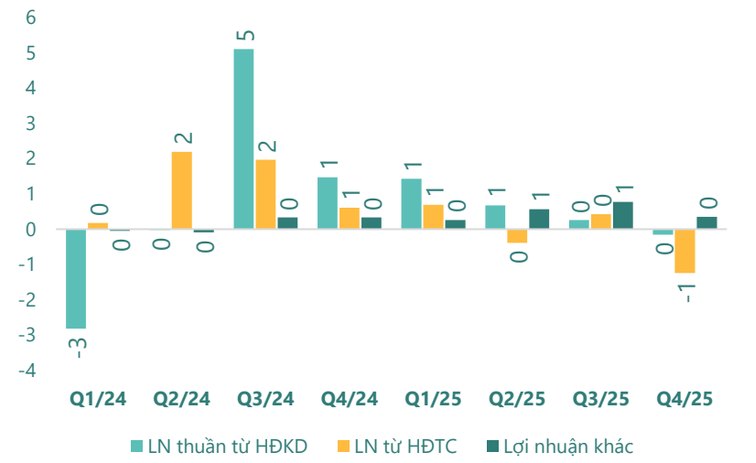
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



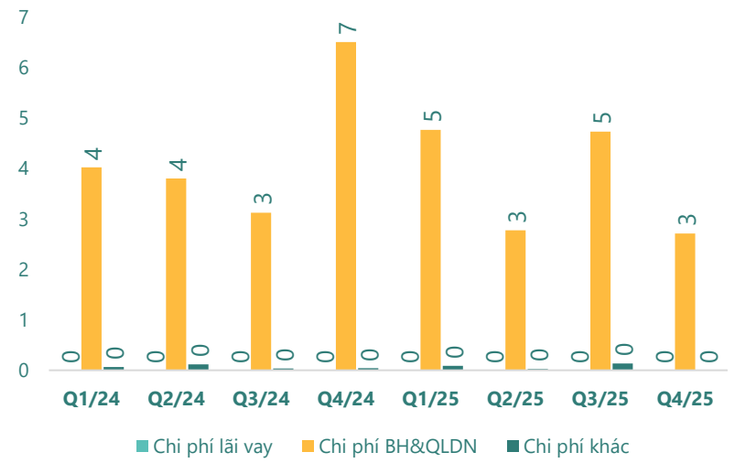
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



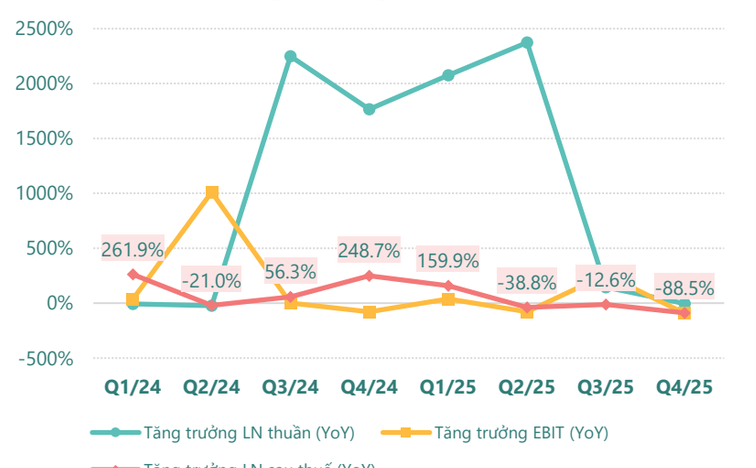
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



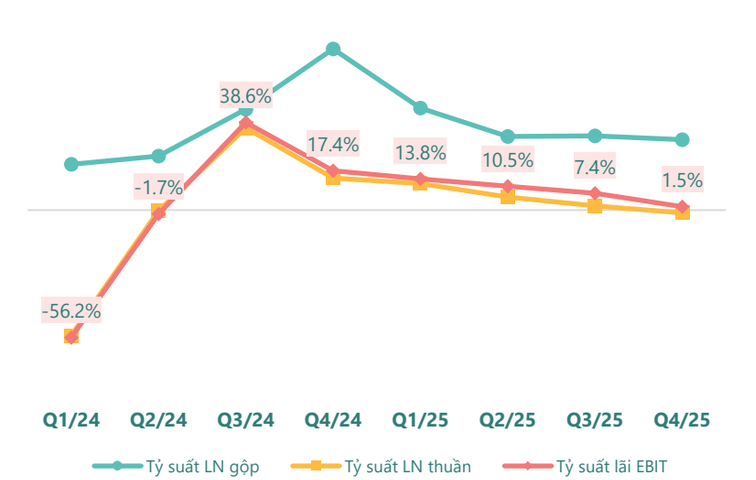
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



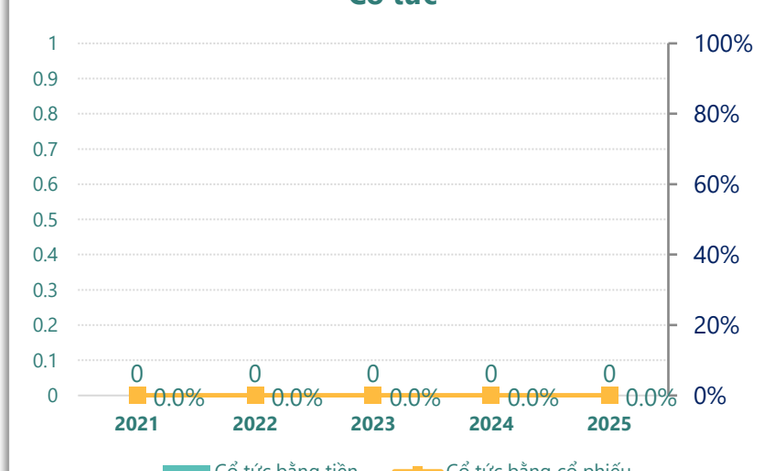
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

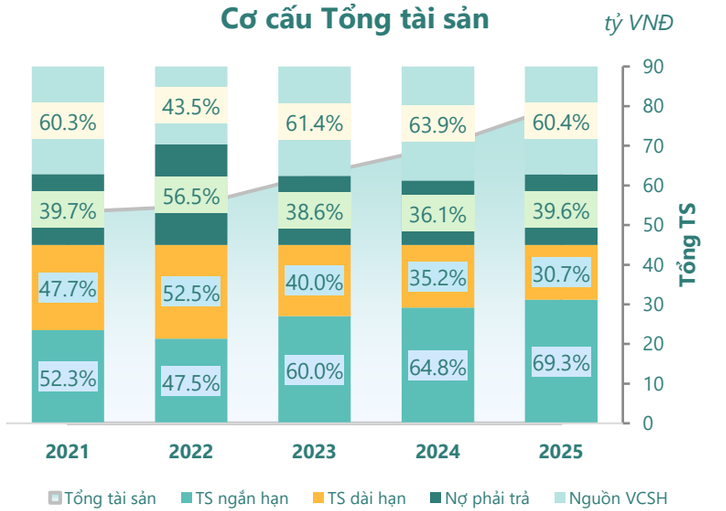
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

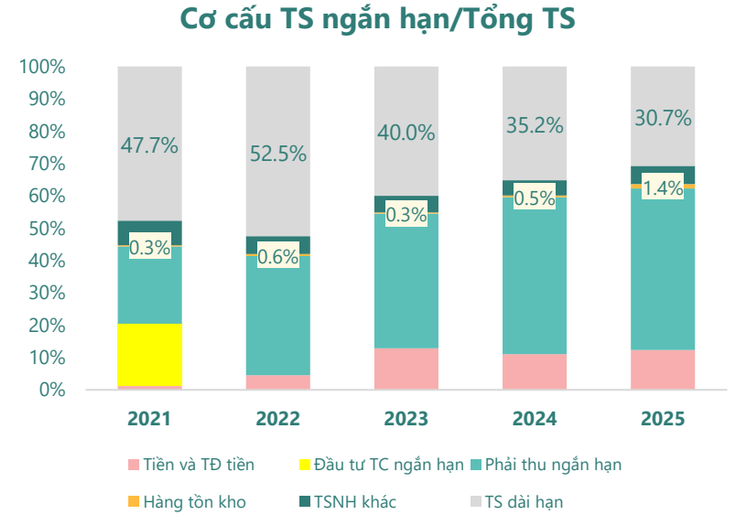
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



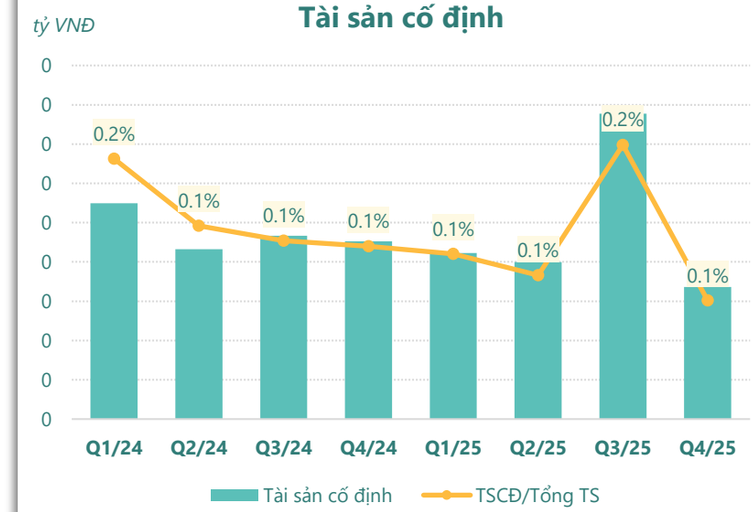
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



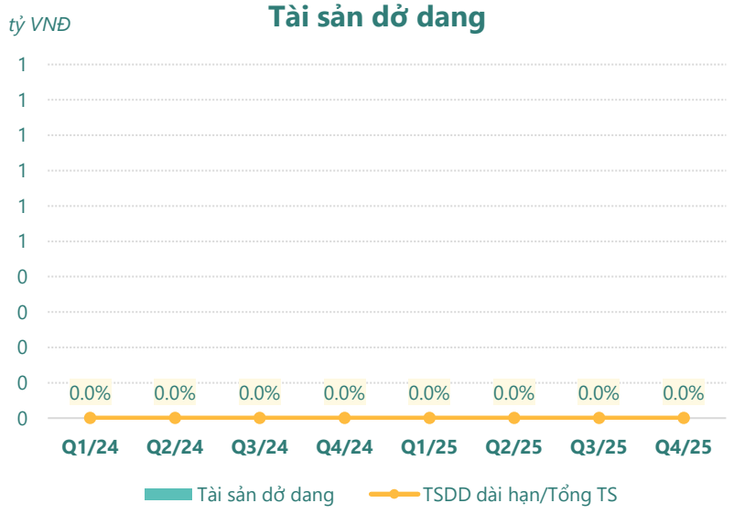
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



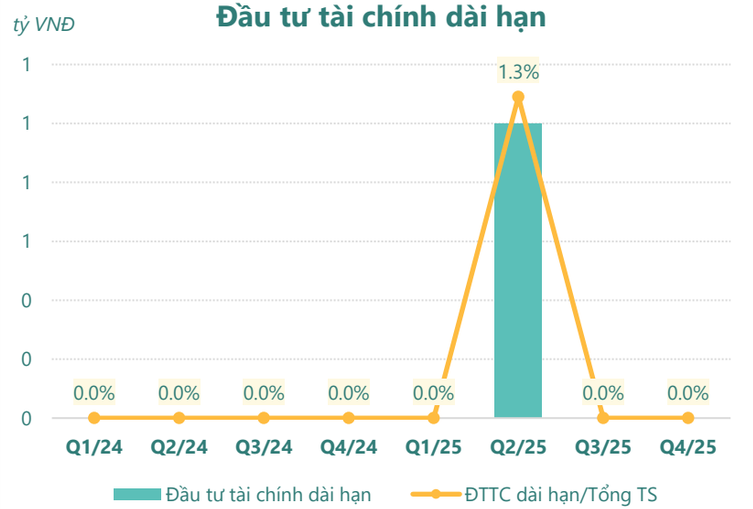
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



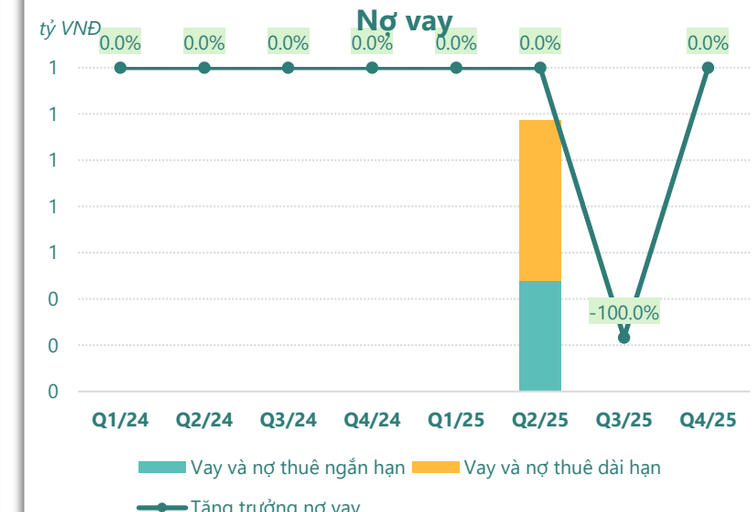
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

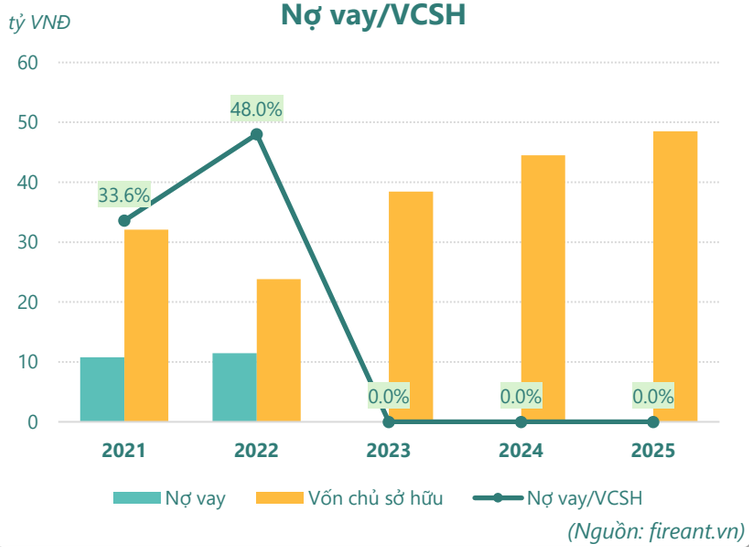
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

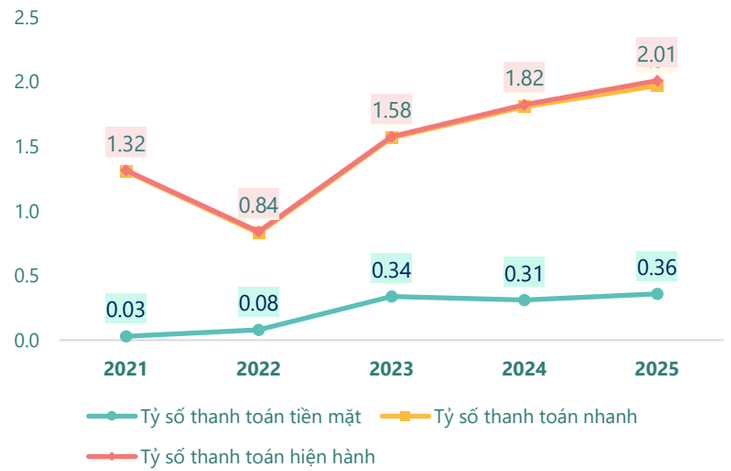
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



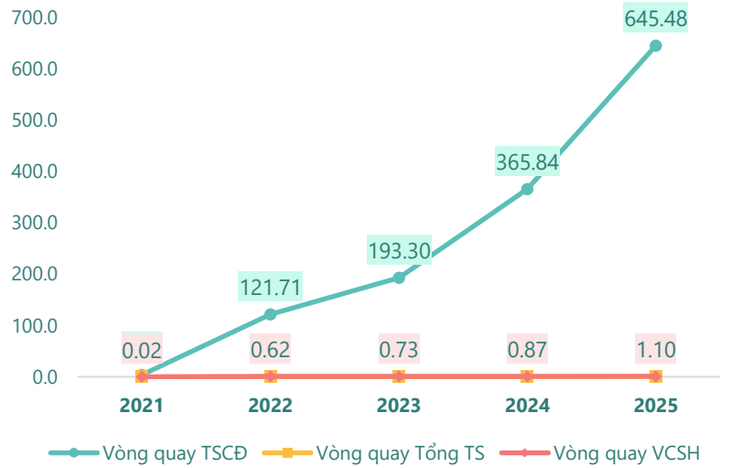
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



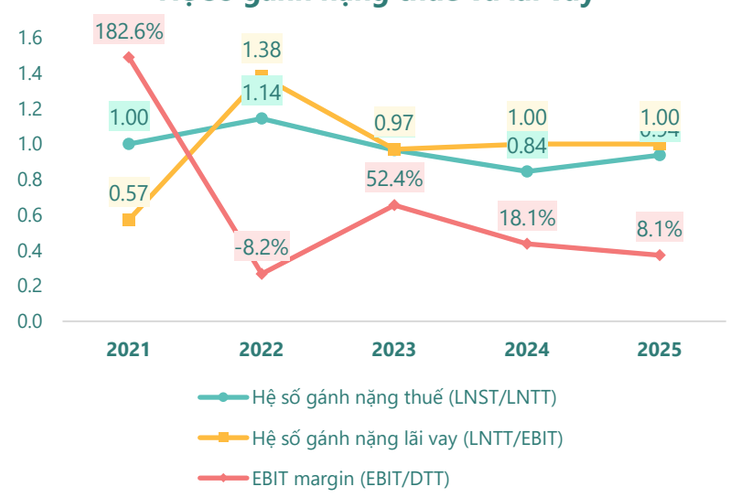
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



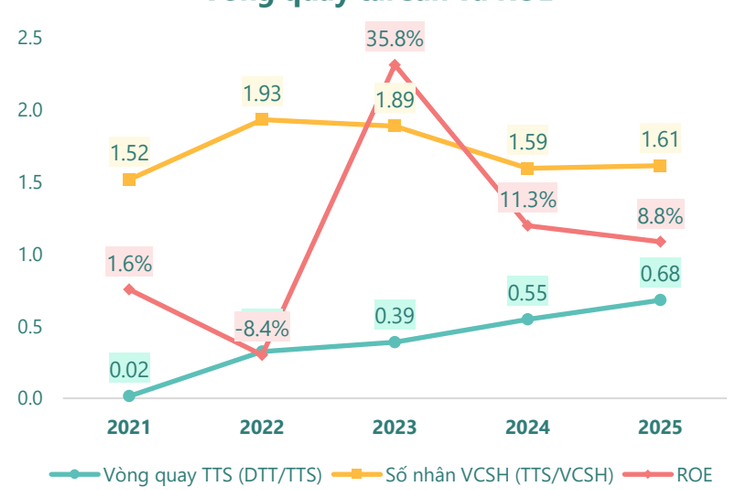
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



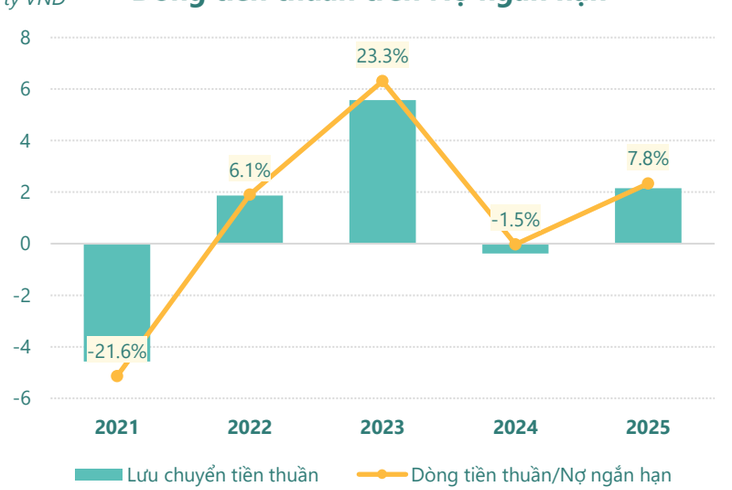
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**12.9**	**10.4**	**24.5%**	**50.9**	**36.2**	**40.6%**
Giá vốn hàng bán	8.92	3.00	197%	33.0	22.3	47.9%
Lợi nhuận gộp	4.02	7.38	-45.5%	17.9	13.9	29.0%
Doanh thu HĐTC	0.08	0.22	-63.1%	1.62	4.46	-63.6%
Chi phí TC	1.32	-0.38	448%	2.14	-2.72	179%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**-0.22**	**0.00**		**-0.22**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.48	2.56	-81.2%	1.59	0.53	200%
Chi phí QLDN	**2.24**	**3.95**	**-43.4%**	**13.4**	**14.6**	**-7.8%**
LN thuần từ HĐKD	-0.16	1.47	-111%	2.20	6.00	-63.3%
Lợi nhuận khác	**0.35**	**0.33**	**6.5%**	**1.95**	**0.56**	**246%**
LN trước thuế	0.20	1.80	-89.1%	4.15	6.56	-36.8%
Lợi nhuận sau thuế	**0.10**	**0.98**	**-89.6%**	**3.89**	**5.54**	**-29.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-0.20**	**0.35**	**-157%**	**4.11**	**4.69**	**-12.3%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	3.79	-7.56	2.04	-0.82	-0.93	2.95
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.86	0.48	-0.01	-0.64	-3.47	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.03	2.20	0	1.17	1.85	0
Tiền đầu kỳ	9.50	12.5	7.69	9.72	9.44	6.54
Lưu chuyển tiền thuần	**2.95**	**-4.88**	**2.03**	**-0.28**	**-2.55**	**2.95**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0.08	-0.01
Tiền cuối kỳ	12.5	7.58	9.72	9.44	6.54	9.91

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**80.3**	**69.6**	**15.4%**
Tài sản ngắn hạn	55.6	45.1	23.3%
Tiền và tương đương tiền	9.91	7.69	28.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	40.1	33.8	18.6%
Hàng tồn kho	1.10	0.37	196%
Tài sản ngắn hạn khác	4.54	3.29	37.9%
Tài sản dài hạn	**24.7**	**24.5**	**0.8%**
Phải thu dài hạn	15.9	13.7	15.9%
Tài sản cố định	0.07	0.09	-25.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.02**	**0.35**	**-95.1%**
Lợi thế thương mại	8.68	10.3	-15.7%
Nợ phải trả	31.8	25.1	26.6%
Nợ ngắn hạn	**27.7**	**24.7**	**11.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	1.85	0.46	306%
Nợ dài hạn	4.10	0.35	1073%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**48.5**	**44.5**	**9.0%**
Vốn chủ sở hữu	**48.5**	**44.5**	**9.0%**
Vốn điều lệ	92.4	92.4	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)